

BẢNG GHI TÊN- GHI ĐIỂM DỰ THI

Hội đồng thi: THPT Như Xuân
Phòng thi số: 10

TT	SBD	Chữ ký dự thi			Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Học sinh trường	Kết quả học tập lớp 9										Kết quả điểm bài thi						Ghi chú
		Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh					HKK	HKL	TB TO	TB VA	TB TA	TB M	UT	KK	Toán		Ngữ văn		Tiếng Anh				
																	Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ			
1	261217	Thanh	Thanh	Thanh	Trần Thị Thanh	14/07/2006	Nữ	THCS Xuân Quý	T	K	6.6	7.6	6.3	7.4			3.25	Ba hai lần	6.75	Sáu bảy lần	4.0	Bốn tròn	DTTS		
2	261218	Thanh	Thanh	Thanh	Hà Xuân Thanh	16/02/2006	Nam	THCS Thượng Ninh	T	K	6.7	6.8	6.2	7.0	0.5		4.25	Bốn hai lần	5.75	Năm bảy lần	3.0	Ba tròn			
3	261219	Thịnh	Thịnh	Thịnh	Nguyễn Lê Chân Thành	12/03/2006	Nam	THCS Yên Cát	K	TB	5.1	5.5	6.2	6.5			1.0	Một tròn	3.5	Ba rưỡi	2.4	Hai tư			
4	261220	Thánh	Thánh	Thánh	Đào Đình Thành	15/01/2006	Nam	THCS Thượng Ninh	T	K	7.1	7.5	6.3	7.1			2.5	Hai rưỡi	3.75	Ba bảy lần	4.6	Bốn sáu	DTTS		
5	261221	Phánh	Phánh	Phánh	Lê Quang Thành	26/03/2006	Nam	THCS Đình Lương	T	TB	6.1	6.7	6.6	6.4	5.0		3.0	Ba tròn	3.75	Ba bảy lần	4.6	Bốn sáu			
6	261222	Thánh	Thánh	Thánh	Nguyễn Văn Thành	08/11/2006	Nam	TH&THCS Yên Lễ	T	K	6.6	6.8	5.7	6.8			4.0	Bốn tròn	4.25	Bốn hai lần	4.4	Bốn bốn		DTTS	
7	261223	Thảo	Thảo	Thảo	Vĩ Đức Thảo	05/04/2006	Nam	TH&THCS Tân Bình	T	TB	5.2	5.8	5.5	6.0	5.0		1.0	Một tròn	4.25	Bốn hai lần	4.0	Bốn tròn			
8	261224	Pháo	Pháo	Pháo	Lê Phương Thảo	28/07/2006	Nữ	THCS Hoà Quý	T	K	7.4	7.8	6.8	7.6	5.0		3.0	Ba tròn	6.75	Sáu bảy lần	3.6	Ba sáu	DTTS		
9	261225	Pháo	Pháo	Pháo	Cao Thị Thảo	15/10/2006	Nữ	THCS Yên Cát	T	K	7.2	7.3	6.4	7.7			2.5	Hai rưỡi	5.0	Năm tròn	4.6	Bốn sáu			
10	261226	Thảo	Thảo	Thảo	Lê Thị Thảo	20/01/2006	Nữ	THCS Thượng Ninh	T	K	5.9	6.9	6.1	6.8	0.5		3.25	Ba hai lần	5.0	Năm tròn	5.2	Năm hai		DTTS	
11	261227	Thảo	Thảo	Thảo	Lê Thị Thu Thảo	25/06/2006	Nữ	TH&THCS Tân Bình	T	G	7.3	8.4	7.4	8.4	5.0		6.25	Sáu hai lần	6.0	Sáu tròn	5.2	Năm hai			
12	261228	Thắm	Thắm	Thắm	Lương Thị Thắm	04/12/2006	Nữ	THCS Xuân Quý	T	TB	6.2	5.7	6.0	6.4	5.0		3.0	Ba tròn	3.0	Ba tròn	4.2	Bốn hai	DTTS		
13	261229	Thắng	Thắng	Thắng	Đoàn Văn Thắng	17/10/2006	Nam	TH&THCS Tân Bình	T	TB	5.3	5.8	5.6	5.8			3.25	Ba hai lần	3.5	Ba rưỡi	3.6	Ba sáu			
14	261230	Thắng	Thắng	Thắng	Lương Xuân Thắng	28/02/2006	Nam	THCS Xuân Quý	T	TB	5.3	5.7	5.3	5.7			1.75	Một bảy lần	4.5	Bốn rưỡi	3.0	Ba tròn		DTTS	
15	261231	Thiên	Thiên	Thiên	Bùi Tuấn Thiên	14/08/2006	Nam	THCS Thượng Ninh	T	K	7.2	7.8	7.3	7.7	0.5		4.25	Bốn hai lần	6.0	Sáu tròn	3.6	Ba sáu			
16	261232	Thu	Thu	Thu	Lê Thị Hoài Thu	01/05/2006	Nữ	THCS Xuân Quý	T	G	7.8	8.0	6.9	8.0			6.0	Sáu tròn	7.0	Bảy tròn	4.2	Bốn hai	DTTS		
17	261233	Thu	Thu	Thu	Đỗ Thị Minh Thu	15/09/2006	Nữ	THCS Cát Tân	T	K	7.8	6.9	7.0	7.1	5.0		3.5	Ba rưỡi	4.5	Bốn rưỡi	3.6	Ba sáu			
18	261234	Thuận	Thuận	Thuận	Nguyễn Đăng Thuận	20/01/2006	Nam	THCS Thượng Ninh	T	K	7.1	6.9	5.9	6.9			3.5	Ba rưỡi	6.0	Sáu tròn	1.6	Một sáu		DTTS	
19	261235	Thương	Thương	Thương	Đinh Thị Thương	12/02/2006	Nữ	TH&THCS Tân Bình	T	TB	5.4	6.4	5.9	6.2	5.0		0.75	Khá bảy lần	6.25	Sáu hai lần	2.8	Hai tám			
20	261236	Thương	Thương	Thương	Hoàng Thị Thương	13/05/2006	Nữ	THCS Yên Cát	T	K	6.9	6.7	5.0	7.1	5.0		2.0	Hai tròn	6.5	Sáu rưỡi	2.8	Hai tám	DTTS		
21	261237	Thùy	Thùy	Thùy	Lê Thị Thùy	27/03/2006	Nữ	THCS Cát Tân	T	K	7.1	7.3	6.8	6.8	5.0		4.0	Bốn tròn	6.25	Sáu hai lần	3.2	Ba hai			
22	261238	Thụy	Thụy	Thụy	Lê Thị Thùy	23/10/2006	Nữ	TH&THCS Yên Lễ	T	TB	6.1	6.3	5.1	6.5	5.0		3.0	Ba tròn	4.75	Bốn bảy lần	2.0	Hai tròn		DTTS	
23	261239	Thụy	Thụy	Thụy	Bùi Thị Thanh Thụy	07/07/2006	Nữ	THCS Thượng Ninh	T	K	6.6	6.8	5.9	7.1	0.5		4.0	Bốn tròn	5.25	Năm hai lần	2.0	Hai tròn			
24	261240	Thị	Thị	Thị	Hoàng Như Thụy	03/09/2006	Nam	THCS Thượng Ninh	K	TB	5.5	6.1	5.2	6.2			0.75	Khá bảy lần	5.0	Năm tròn	2.6	Hai sáu			

Danh sách có: 24 thí sinh.

HIỆU TRƯỞNG

Thanh Hóa, ngày 2... tháng 6... năm 2021
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

HỘI ĐỒNG CỎI THI

Có TS sửa chữa hồ sơ dự thi thuộc về các SBD: 224, 223, 224, 227, 228, 229, 230, 231, 232, 233, 234, 235, 236, 237, 238, 239, 240
Có TS sửa chữa điểm khuyến khích thuộc về các SBD: ...
Cán bộ kiểm tra hồ sơ 1: Lê Chí Tiếp
Cán bộ kiểm tra hồ sơ 2: Lê Hoàng Anh

Chủ tịch Hội đồng coi thi
Thanh Hóa, ngày 2... tháng 6... năm 2021
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Tổ hợp pháp lên điểm:
Có TS sửa chữa điểm thuộc về các SBD: ...

- Cán bộ đọc điểm
- Cán bộ kiểm soát đọc
- Cán bộ ghi điểm
- Cán bộ kiểm soát ghi

Trưởng Hội đồng chấm thi
Thanh Hóa, ngày 2... tháng 6... năm 2021
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

TT	SBD	Chữ ký dự thi			Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Học sinh trường	Kết quả học tập lớp 9										Kết quả điểm bài thi						Ghi chú
		Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh					HK	HL	TB TO	TB VA	TB TA	TB M	ƯT	KK	Điểm	Toán		Ngữ văn		Tiếng Anh			
																		Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ	Số	
1	261241	Thùy	Thùy	Thùy	Hà Thị Thùy	08/10/2006	Nữ	THCS Cát Tân	T	K	6.0	6.8	7.4	6.9	5.0			2.5	Hai Rưỡi	5.5	Năm Rưỡi	3.8	Ba trăn	DTTS	
2	261242	Tinh	Tinh	Tinh	Hà Văn Tinh	29/10/2006	Nam	THCS Thượng Ninh	T	K	5.9	6.6	6.1	6.6	0.5			2.0	Hai trăn	3.5	Ba Rưỡi	3.0	Ba trăn	DTTS	
3	261243	Trang	Trang	Trang	Đỗ Huyền Trang	14/12/2006	Nữ	THCS Yên Cát	T	K	5.7	6.7	7.2	7.0				4.25	Bốn hai lăm	4.75	Bốn bảy lăm	7.0	Bảy trăn		
4	261244	Trang	Trang	Trang	Nguyễn Huyền Trang	26/11/2006	Nữ	TH&THCS Yên Lễ	T	K	6.8	7.4	6.3	7.4				4.25	Bốn hai lăm	6.5	Sáu Rưỡi	5.2	Năm hai		
5	261245	Trang	Trang	Trang	Lê Thị Huyền Trang	07/10/2006	Nữ	THCS Yên Cát	T	G	8.8	9.0	8.7	8.7				7.5	Bảy Rưỡi	8.5	Tám Rưỡi	9.0	Chín trăn		
6	261246	Trang	Trang	Trang	Vũ Kiều Trang	03/03/2006	Nữ	THCS Thượng Ninh	T	K	6.8	7.4	6.0	7.4				3.0	Ba trăn	3.0	Ba trăn	3.0	Ba trăn		
7	261247	Trang	Trang	Trang	Bùi Đoàn Linh Trang	18/05/2006	Nữ	THCS Thượng Ninh	T	G	7.9	8.0	7.2	8.0	0.5			4.25	Bốn hai lăm	6.5	Sáu Rưỡi	5.4	Năm hai	DTTS	
8	261248	Trang	Trang	Trang	Trần Thị Phương Trang	20/11/2006	Nữ	THCS Thượng Ninh	T	K	7.6	7.5	7.0	7.8	0.5			4.25	Bốn hai lăm	6.5	Sáu Rưỡi	5.2	Năm hai	DTTS	
9	261249	Trang	Trang	Trang	Lương Thị Trang	16/01/2005	Nữ	TH&THCS Cát Văn	T	TB	5.8	5.8	5.9	6.2	0.5			1.75	Một bảy lăm	3.5	Ba Rưỡi	3.2	Ba hai	DTTS	
10	261250	Trang	Trang	Trang	Nguyễn Thị Trang	24/04/2006	Nữ	THCS Cát Tân	T	K	7.4	6.9	7.1	6.9				4.0	Bốn trăn	4.5	Bốn Rưỡi	5.8	Năm trăn		
11	261251	Trang	Trang	Trang	Lê Thu Trang	07/06/2006	Nữ	THCS Cát Tân	T	TB	6.2	6.2	6.5	6.1				1.0	Một trăn	4.0	Bốn trăn	3.4	Ba hai		
12	261252	Trang	Trang	Trang	Hoàng Thị Thu Trang	25/12/2006	Nữ	THCS Thượng Ninh	T	K	7.4	8.0	6.2	7.7				6.5	Sáu Rưỡi	6.75	Sáu bảy lăm	2.8	Hai trăn		
13	261253	Trang	Trang	Trang	Lê Thị Thu Trang	01/01/2006	Nữ	THCS Thượng Ninh	T	G	8.4	8.7	7.1	8.4				5.0	Năm trăn	7.5	Bảy Rưỡi	4.2	Bốn hai		
14	261254	Trang	Trang	Trang	Nguyễn Thị Thu Trang	12/08/2006	Nữ	TH&THCS Yên Lễ	T	TB	5.8	6.0	5.8	6.2				3.25	Ba hai lăm	5.5	Năm Rưỡi	6.0	Sáu trăn		
15	261255	Trang	Trang	Trang	Quách Thùy Trang	11/11/2006	Nữ	THCS Thượng Ninh	T	K	5.7	7.3	6.1	6.9	0.5			3.25	Ba hai lăm	7.25	Bảy hai lăm	5.0	Năm trăn	DTTS	
16	261256	Trí	Trí	Trí	Lê Hữu Minh Trí	06/08/2006	Nam	THCS Hoà Quý	T	K	7.2	5.4	6.6	6.5	5.0			1.5	Một Rưỡi	2.5	Hai Rưỡi	6.4	Sáu hai	DTTS	
17	261257	Trung	Trung	Trung	Lê Thiện Trung	04/09/2006	Nam	THCS Yên Cát	T	K	5.3	6.3	6.6	7.1	5.0			3.5	Ba Rưỡi	5.0	Năm trăn	7.2	Bảy hai	DTTS	
18	261258	Trung	Trung	Trung	Lê Văn Trung	01/01/2006	Nam	TH&THCS Tân Bình	K	TB	5.0	5.1	4.5	5.0				3.0	Ba trăn	4.5	Bốn Rưỡi	2.4	Hai hai		
19	261259	Trung	Trung	Trung	Nguyễn Văn Trung	09/08/2006	Nam	THCS Thượng Ninh	T	K	6.0	6.5	6.3	6.8				6.0	Sáu trăn	7.75	Hai bảy lăm	3.6	Ba sáu		
20	261260	Trường	Trường	Trường	Hà Trọng Trường	08/02/2006	Nam	THCS Thượng Ninh	T	TB	5.7	6.0	5.9	6.4				3.0	Ba trăn	4.0	Bốn trăn	6.4	Sáu hai		
21	261261	Trường	Trường	Trường	Đổng Lương Xuân Trường	09/01/2006	Nam	TH&THCS Yên Lễ	T	TB	5.5	5.5	5.0	5.6	5.0			2.0	Hai trăn	3.5	Ba Rưỡi	6.0	Sáu trăn	DTTS	
22	261262	Tuấn	Tuấn	Tuấn	Lê Anh Tuấn	14/02/2006	Nam	THCS Yên Cát	T	K	6.9	6.9	7.7	7.6	5.0			4.5	Bốn Rưỡi	6.5	Sáu Rưỡi	8.2	Tám hai	DTTS	
23	261263	Tuấn	Tuấn	Tuấn	Quách Duy Tuấn	08/09/2006	Nam	THCS Thượng Ninh	T	G	8.0	7.6	7.2	8.0	0.5			6.75	Sáu bảy lăm	6.0	Sáu trăn	5.8	Năm trăn	DTTS	
24	261264	Tuấn	Tuấn	Tuấn	Lê Ngọc Tuấn	29/06/2006	Nam	TH&THCS Yên Lễ	T	TB	5.4	6.3	5.1	6.3	5.0			4.0	Bốn trăn	6.0	Sáu trăn	6.2	Sáu hai	DTTS	

Danh sách có: 24 thí sinh.

HIỆU TRƯỞNG

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2021

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

HỘI ĐỒNG COI THI

Có 02 TS vừa chữa hồ sơ dự thi thuộc về các SBD: 261253, 261261.

Có 06 TS vừa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD 241, 256, 253, 261, 262, 264

Có TS vừa điểm khuyến khích thuộc về các SBD:

Cán bộ kiểm tra hồ sơ 1: Đỗ Thị Thùy

Cán bộ kiểm tra hồ sơ 2: Nguyễn Thị Đức

Chủ tịch Hội đồng coi thi

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 06 năm 2021

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Môn thi	TO	VA	TA
Số vắng	0	0	0
Số VPQC	0	0	0

Tô hội phách lên điểm:

Có 02 TS vừa chữa điểm thuộc về các SBD:

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

1. Cán bộ đọc điểm:

2. Cán bộ kiểm soát đọc:

3. Cán bộ ghi điểm:

4. Cán bộ kiểm soát ghi:



BẢNG GHI TÊN- GHI ĐIỂM DỰ THI

Hội đồng thi: THPT Như Xuân

Phòng thi số: 12

TT	SRD	Chữ ký dự thi			Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Học sinh trường	Kết quả học tập lớp 9										Kết quả điểm bài thi						Ghi chú
		Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh					HK I	HK II	TB TO	TB VA	TB TA	TB M	UT	KK	Điểm	Toán		Ngữ văn		Tiếng Anh			
																		Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ	Số	
1	261265	Tuấn	Tuấn	Tuấn	Quách Quang Tuấn	28/03/2006	Nam	THCS DTNT Như Xuân	T	TB	5.1	5.7	6.1	6.1	5.0			1.25	Một hai lần	7.0	Bảy tròn	2.8	Hai tám	DTTS	
2	261266	Tuấn	Tuấn	Tuấn	Vũ Văn Tuấn	23/02/2006	Nam	THCS Cát Tân	K	K	6.3	6.2	6.5	6.5	5.0			1.25	Một hai lần	2.5	Hai Rưỡi	3.0	Ba tròn	DTTS	
3	261267	Tùng	Tùng	Tùng	Hà Nguyễn Huy Tùng	26/01/2006	Nam	THCS Thượng Ninh	T	G	7.4	8.4	6.9	8.0	0.5			4.25	Bốn hai lần	7.0	Bảy tròn	5.0	Năm tròn	DTTS	
4	261268	Tuấn	Tuấn	Tuấn	Kim Thanh Tùng	06/02/2006	Nam	TH&THCS Thanh Hoá	T	K	7.6	7.3	6.8	7.6	5.0			3.5	Ba Rưỡi	5.5	Năm Rưỡi	3.4	Ba tư	DTTS	
5	261269	Tú	Tú	Tú	Nguyễn Gia Anh Tú	27/08/2006	Nam	THCS Hoà Quý	T	K	6.3	6.3	6.9	6.7	5.0			2.75	Hai bảy lần	3.25	Ba hai lần	3.6	Ba sáu	DTTS	
6	261270	Tú	Tú	Tú	Nguyễn Trọng Tú	10/06/2006	Nam	TH&THCS Tân Bình	T	TB	6.0	5.9	5.8	6.2				2.5	Hai Rưỡi	5.75	Năm bảy lần	2.4	Hai bốn		
7	261271	Tô	Tô	Tô	Lê Văn Tú	12/05/2006	Nam	THCS Yên Cát	T	TB	6.4	6.2	4.2	6.4	5.0			2.5	Hai Rưỡi	4.0	Bốn tròn	2.2	Hai hai	DTTS	
8	261272	Tuyền	Tuyền	Tuyền	Lê Nhân Tuyền	14/02/2006	Nam	THCS DTNT Như Xuân	T	TB	4.9	5.4	6.2	6.1	5.0			2.0	Hai tròn	6.0	Sáu tròn	7.6	Bảy sáu	DTTS	
9	261273	Tuyền	Tuyền	Tuyền	Lê Thị Tuyền	12/03/2006	Nữ	TH&THCS Yên Lễ	T	TB	6.2	6.3	6.0	6.7	5.0			4.25	Bốn hai lần	4.0	Bốn tròn	2.8	Hai tám	DTTS	
10	261274	Vân	Vân	Vân	Lê Thị Vân	09/08/2006	Nữ	THCS Thượng Ninh	T	K	7.7	7.2	6.3	7.5				6.5	Sáu Rưỡi	6.0	Sáu tròn	2.8	Hai tám		
11	261275	Vũ	Vũ	Vũ	Quách Thị Hà Vũ	16/01/2006	Nữ	THCS Thượng Ninh	T	G	7.9	8.8	6.9	8.2	0.5			3.5	Ba Rưỡi	8.5	Tám Rưỡi	3.6	Ba sáu	DTTS	
12	261276	Vinh	Vinh	Vinh	Lê Hữu Vinh	09/09/2006	Nam	THCS Yên Cát	T	TB	6.2	5.8	5.8	6.8				3.5	Ba Rưỡi	7.0	Bảy tròn	2.6	Hai sáu	DTTS	
13	261277	Vinh	Vinh	Vinh	Bùi Văn Vinh	26/10/2006	Nam	THCS Thượng Ninh	T	K	7.3	7.2	6.0	7.3	0.5			3.5	Ba Rưỡi	6.75	Sáu bảy lần	2.6	Hai sáu	DTTS	
14	261278	Vinh	Vinh	Vinh	Lê Quang Vinh	13/09/2006	Nam	TH&THCS Yên Lễ	T	TB	5.5	5.6	5.1	5.9	5.0			2.5	Hai Rưỡi	2.75	Hai bảy lần	3.6	Ba sáu	DTTS	
15	261279	Vũ	Vũ	Vũ	Nguyễn Đăng Vũ	13/01/2006	Nam	THCS Xuân Quý	T	K	8.0	7.0	6.7	7.8				6.25	Sáu hai lần	6.0	Sáu tròn	4.0	Bốn tròn		
16	261280	Vũ	Vũ	Vũ	Nguyễn Hoàng Ngọc Vũ	07/09/2006	Nam	THCS Yên Cát	T	TB	5.9	6.4	6.3	7.1				3.25	Ba hai lần	5.75	Năm bảy lần	5.0	Năm tròn		
17	261281	Vũ	Vũ	Vũ	Nguyễn Văn Vũ	04/10/2006	Nam	THCS Xuân Quý	T	TB	5.2	5.5	5.7	5.7				3.75	Ba bảy lần	4.25	Bốn hai lần	2.2	Hai hai		
18	261282	Vũ	Vũ	Vũ	Lê Thị Hà Vy	18/02/2006	Nữ	THCS Yên Cát	T	G	7.4	8.2	8.7	8.3	5.0			6.75	Sáu bảy lần	8.0	Tám tròn	8.0	Tám tròn	DTTS	
19	261283	K. Vy	K. Vy	K. Vy	Thị Khánh Vy	17/09/2006	Nữ	TH&THCS Cát Văn	T	K	6.1	6.7	6.2	6.7	5.0			3.0	Ba tròn	4.5	Bốn Rưỡi	2.8	Hai tám	DTTS	
20	261284	Xinh	Xinh	Xinh	Lục Thị Xinh	20/05/2006	Nữ	THCS Bình Lương	T	K	6.2	7.6	6.7	6.9	5.0			3.0	Ba tròn	5.5	Năm Rưỡi	2.6	Hai sáu	DTTS	
21	261285	Xuân	Xuân	Xuân	Lương Thị Thanh Xuân	27/01/2006	Nữ	THCS Xuân Quý	T	TB	5.7	6.4	5.5	6.3	5.0			3.25	Ba hai lần	4.75	Bốn bảy lần	3.0	Ba tròn	DTTS	
22	261286	Yên	Yên	Yên	Lê Thị Yên	17/03/2006	Nữ	THCS Xuân Quý	T	K	6.3	7.0	6.0	7.1				4.25	Bốn hai lần	4.5	Bốn Rưỡi	3.4	Ba tư		
23	261287	Yên	Yên	Yên	Trương Hải Yên	30/03/2006	Nữ	TH&THCS Cát Văn	T	K	6.2	7.6	6.8	7.3				4.25	Bốn hai lần	6.5	Sáu Rưỡi	3.2	Ba hai		
24	261288	Yên	Yên	Yên	Bùi Thị Yên	25/04/2006	Nữ	THCS Thượng Ninh	T	K	6.1	8.0	6.1	7.5	0.5			4.0	Bốn tròn	7.0	Bảy tròn	2.4	Hai bốn	DTTS	
25	261289	Yên	Yên	Yên	Lê Thị Yên	24/02/2006	Nữ	TH&THCS Yên Lễ	T	TB	5.9	6.3	5.8	6.5	5.0			2.0	Hai tròn	6.5	Sáu Rưỡi	2.2	Hai hai	DTTS	

Danh sách có: 25 thí sinh.

HIỆU TRƯỞNG

Thanh Hóa, ngày 2 tháng 6 năm 2021

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)


PHÓ HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG CỎI THI

Có 04 TS của nhà trường và 02 TS của các SBD: 281, 285

Có 13 TS của nhà trường ưu tiên thuộc về các SBD: 285, 286, 287, 288, 289, 290, 291, 292, 293, 294, 295, 296, 297, 298, 299, 300

Có TS của nhà trường không thuộc về các SBD: 281, 285, 289

Cán bộ kiểm tra bộ số 1

Cán bộ kiểm tra bộ số 2


Ủy viên Hội đồng coi thi

Chủ tịch Hội đồng coi thi

Thanh Hóa, ngày 6 tháng 6 năm 2021

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Môn thi	TO	VA	TA
Số vắng	0	0	0
Số 170C	0	0	0

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Tổ hội pháp lên điểm:

Lưu ý: TS của nhà trường thuộc về các SBD.

1. Cán bộ đọc điểm

2. Cán bộ kiểm soát đọc

3. Cán bộ ghi điểm

4. Cán bộ kiểm soát ghi

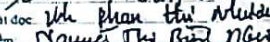
Thủ tịch Hội đồng chấm thi

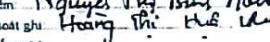


Thanh Hóa, ngày 6 tháng 6 năm 2021

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)


Ủy viên Hội đồng chấm thi


Ủy viên Hội đồng chấm thi


Ủy viên Hội đồng chấm thi